TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 729/2025/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 399/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Tào Mỹ L, sinh năm 1995

- Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Khu phố Y, phường T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Tào Mỹ Linh và ông Huỳnh Ngọc Anh là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2016, ngày 11/03/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 10/7/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/9/2025, bà Tào Mỹ L và ông Huỳnh Ngọc A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Mỹ V, sinh ngày 28/12/2015 và Huỳnh Hải N, sinh ngày 07/4/2021. Hai bên thỏa thuận: ông A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Ngọc Mỹ V, còn bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Hải N. Hàng tháng ông A cấp dưỡng nuôi trẻ N là 6.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2025 cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi, bà V không cấp dưỡng nuôi con; và thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Tào Mỹ L và

ông Huỳnh Ngọc A thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Tào Mỹ L và ông Huỳnh Ngọc A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2016, ngày 11/03/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố H hết hiệu lực.

- Về con chung: Ông A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Ngọc Mỹ V, còn bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Huỳnh Hải N. Hàng tháng ông A cấp dưỡng nuôi trẻ N là 6.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2025 cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi, bà V không cấp dưỡng nuôi con

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà L ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 150.000 đồng, ông A phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010937 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà L và ông A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 - TP.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang